TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN L** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST Ngày: 26 - 5 - 2020 V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Khắc Tân

Bà Phạm Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Vương Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 656/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020**,** Thông báo về việc mở phiên tòa số 213/2020/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 278/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thanh H; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 86/19 C, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 2A/283 Đ, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đào Anh D; nơi cư trú: Số 86/19 C, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thanh H trình bày: Chị và anh Đào Anh D xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, Hải Phòng vào năm 2015, đến nay có 01 con chung là Đào Dư Nhật M, sinh ngày 09/7/2015. Quá

trình chung sống, ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhưng đỉnh điểm nhất là vào tháng 6/2019. Nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xung đột, cãi vã nhau; hơn nữa, mối quan hệ giữa con dâu với gia đình nhà chồng không được hòa thuận. Từ đó, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, xa cách, mất đi tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải và vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn không thể cải thiện được, từ tháng 6 năm 2019 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay chị H xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm không còn, tiếp tục cuộc sống chung cũng không mang lại hạnh phúc nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Về con chung: Chị H có nguyện vọng được nuôi con Đào Dư Nhật M đến khi thành niên; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.Về án phí: Chị H nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại các buổi làm việc vào ngày 10/01/2020; ngày 21/01/2020, các buổi hoà giải vào ngày 28/02/2020; ngày 21/02/2020 và tại phiên tòa ngày 05/5/2020; ngày 26/5/2020 anh D đều vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh D xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, Hải Phòng vào năm 2015 và có 01 con chung. Quá trình chung sống, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống, tính cách luôn bất đồng, thường xuyên xảy ra xô xát và đã ly thân tháng 06 năm 2019 đến nay. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh D; về con chung: Giao con Đào Dư Nhật M, sinh ngày 09/7/2015 cho chị H nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận; về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Chị Bùi Thanh H khởi kiện xin ly hôn anh Đào Anh D. Đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn; bị đơn cư trú tại địa bàn quận L, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận L.

[2] Bị đơn anh Đào Anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thanh H và anh Đào Anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 30 do Ủy ban nhân dân phường H, quận L, Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 4 năm 2015 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống, lối sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra va chạm, xô sát và đã ly thân mỗi người một nơi từ tháng 6/2019 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập các bên đến Tòa án để làm việc và tiến hành hoà giải nhưng anh D đều không có mặt; tại phiên toà ngày 05/5/2020 và ngày 26/5/2020 anh D cũng không có mặt để đưa ra quan điểm của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, điều đó cho thấy anh D đã không thực sự cố gắng trong việc hàn gắn những rạn nứt trong quan hệ tình cảm vợ chồng. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh về thực trạng hôn nhân giữa chị H và anh D tại nơi cư trú và gia đình cho thấy: Vợ chồng chị H và anh D sống không hòa thuận, nhiều lần xảy ra va chạm, cãi vã nhau, từ tháng 6 năm 2019 chị H đã đi ở nơi khác và vợ chồng sống ly thân từ đó. Do vậy, việc chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho chị Bùi Thanh H được ly hôn anh Đào Anh D là phù hợp.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Dư Nhật M, sinh ngày 09/7/2015, chị H xin được nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị H là người trực tiếp chăm sóc con chung. Xét nguyện vọng của chị H là phù hợp với điều kiện, hành cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thanh H và anh Đào Anh D.

2. Về con chung: Giao con chung là Đào Dư Nhật M, sinh ngày 09/7/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị H đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L theo Biên lai thu tiền số 0013658 ngày 13 tháng 12 năm 2019.

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND p. H, L, HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương